TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC,** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/DS-ST
Ngày: 12-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền, di chúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Xuân An
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Thành Công
Bà Huỳnh Thị Tuyết Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tô Cẩm Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền – Kiểm sát viên

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền, di chúc" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1970;
Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1959; Địa chỉ: ấp 2, xã H, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn:
1. Ông Trần Văn Minh M, sinh năm 1973;
2. Bà Trần Thị Thiên H, sinh năm 1975;
Địa chỉ: ấp 1, xã P, huyện Cần Giuộc, Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Bà Trần Thị Phượng A, sinh năm 1996;
Địa chỉ: Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích Thủy;
Địa chỉ trụ sở: Số 244 Nguyễn Thái Bình, Khu phố Hòa Thuận 1, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Dũng – Trưởng Văn phòng.

Ông C, ông Triệu, ông M, bà H có mặt; bà A, ông Dũng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn – ông Nguyễn Hữu C và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Lê Văn Triệu trình bày: Ông Nguyễn Hữu C khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn Minh M và bà Trần Thị Thiên H thanh toán cho ông C số tiền đã vay là 1.200.000.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày 03-8-2022 là 582.000.000 đồng, cùng tiền lãi phát sinh từ ngày 16-9-2022 đến khi xét xử sơ thẩm. Tiền nợ lãi từ ngày 03-02-2021 đến ngày 03-8-2022 là 648.000.000 đồng. Ông C đã nhận 66.000.000 đồng tiền lãi nên còn 582.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông C thay đổi yêu cầu tính lãi, yêu cầu điều chỉnh lãi với cùng một mức lãi suất là 1,5%/tháng từ ngày 03-02-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài ra, ông C còn yêu cầu:

- Hủy Hợp đồng ủy quyền số công chứng 5344, quyển số 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03-02-2021 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích Thủy, giữa ông Trần Văn Minh M, bà Trần Thị Thiên H và bà Trần Thị Phượng A.

- Hủy Hợp đồng ủy quyền số công chứng 15831, quyển số 16/2022/CC-SCC/HĐGD ngày 05-5-2022 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích Thủy, giữa ông Trần Văn Minh M, bà Trần Thị Thiên H có người đại diện là bà Trần Thị Phượng A với ông Nguyễn Hữu C.

- Hủy Di chúc số công chứng 5345 quyển số 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03-02-2021 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích Thủy giữa ông Trần Văn Minh M, bà Trần Thị Thiên H và bà Trần Thị Phượng A.

Vì lý do các hợp đồng này là để đảm bảo cho các khoản vay trên.

Đầu năm 2021, ông Trần Văn Minh M và bà Trần Thị Thiên H có ý định vay của bà Trần Thị Phượng A số tiền 1.200.000.000 đồng. Lúc đầu bà A đồng ý cho vay, nhưng về sau không đủ tiền nên bà A giới thiệu ông C cho ông M, bà H vay. Ông C đồng ý.

Ngày 03-02-2021, ông C cho ông M, bà H vay số tiền 1.200.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 06 tháng, các bên không làm hợp đồng vay tiền mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Để đảm bảo khoản vay, ông M và bà H ký Hợp đồng ủy quyền và Di chúc thửa đất số 922, Tờ bản đồ số 3, diện tích 824m^2, đất tại ấp Phước Hưng 1, xã Phước Lâm, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An do ông Trần Văn Minh M đứng tên quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Phượng A. Đến ngày 05-5-2022, bà A ủy quyền thửa đất trên lại cho ông C toàn quyền quản lý, sử dụng. Các Hợp đồng ủy quyền này đều được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích Thủy.

Ông C đã giao đủ cho ông M, bà H số tiền 1.200.000.000 đồng. Ông M, bà H trả lãi cho ông C 02 tháng, tháng đầu 36.000.000 đồng, tháng thứ hai là 30.000.000 đồng. Từ đó đến nay, ông bà không trả cho ông C bất kì khoản tiền lãi và gốc nào. Ông C đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông M và bà H vẫn chưa thanh toán, do đó, ông khởi kiện.

Bị đơn – bà Trần Thị Thiên H trình bày: Ngày 03-02-2021, vợ chồng bà có vay của bà Trần Thị Phượng A số tiền 1.200.000.000 đồng, lãi suất là 3%/tháng, vay không có thời hạn, chỉ nói khi nào có khả năng thì trả, ông C chỉ là người môi giới, không phải là người cho vay. Vợ chồng bà nhận đủ từ bà A số tiền là 1.200.000.000 đồng, không phải nhận từ ông C. Để đảm bảo cho khoản vay trên, vợ chồng bà làm Hợp đồng ủy quyền và Di chúc cho bà A quyền sử dụng thửa đất số 922, Tờ bản đồ số 3, diện tích 824m^2, đất tại ấp Phước Hưng 1, xã Phước Lâm, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An do ông Trần Văn Minh M đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng bà có trả cho bà A 02 tháng tiền lãi, với số tiền tháng đầu là 36.000.000 đồng, tháng thứ hai là 30.000.000 đồng. Toàn bộ lãi vợ chồng bà trả trực tiếp cho ông C vì ông C đi nhận lãi giùm bà A. Việc bà A làm hợp đồng ủy quyền thửa đất 922 lại cho ông C, vợ chồng bà không biết. Bà không đồng ý trả nợ cho ông C. Bà chỉ đồng ý trả tiền gốc cho bà A số tiền 1.200.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu hủy các hợp đồng ủy quyền và di chúc, bà không đồng ý, vì các hợp đồng đó để đảm bảo cho khoản vay, khi nào bà trả tiền gốc thì bà đồng ý hủy các hợp đồng trên. Hiện vợ chồng bà chưa có khả năng thanh toán.

Bị đơn – ông Trần Văn Minh M thống nhất với lời trình bày và ý kiến của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Phượng A trình bày: Bà quen biết, làm ăn với ông Nguyễn Hữu C. Vào đầu năm 2021, ông C có nói với bà là ông M, bà H cần vay tiền làm ăn nhưng do ông C quen biết với ông M, bà H nên ngại không cho vay. Vì vậy, ông C nhờ bà đứng tên cho ông M và bà H vay số tiền là 1.200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, nhưng thực tế toàn bộ số tiền vay là của ông C, không phải của bà. Bà cho ông M, bà H vay vào ngày 03-02-2021. Để đảm bảo khoản vay, ông M, bà H có làm Hợp đồng ủy quyền và Di chúc thửa đất 922, Tờ bản đồ số 3, đất tại xã Phước Lâm, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An cho bà. Sau khi cho vay, ông M, bà H chỉ trả được 66.000.000 đồng tiền lãi, cụ thể lần đầu là 36.000.000 đồng, lần sau là 30.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền lãi này do ông C nhận. Về sau, ông M và bà H không tiếp tục trả lãi, bà có xuống thương lượng nhưng không có kết quả. Vì thấy sự việc rắc rối nên bà đã ủy quyền lại quyền sử dụng đất thửa 922 cho ông C để ông C trực tiếp làm việc với ông M, bà H. Hiện bà không còn liên quan đến số nợ 1.200.000.000 đồng cũng như các hợp đồng ủy quyền và di chúc. Việc ông M và bà H đề nghị được trả số tiền 1.200.000.000 đồng và lãi cho bà, bà không đồng ý vì số tiền này là của ông C. Bà hoàn toàn thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C đối với bà H và ông M, không có ý kiến gì thêm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông M và bà H vẫn giữ nguyên ý kiến. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Hữu C cho rằng ông và bà A có quan hệ làm ăn với nhau. Khi cho ông M và bà H vay, ông nhờ bà A đứng tên giùm Hợp đồng ủy quyền và Di chúc. Sau đó, bà A ủy quyền lại cho ông. Các bên không lập Hợp đồng vay tài sản mà lập Hợp đồng ủy quyền và Di chúc quyền sử dụng đất thửa 922, để làm tin, khi nào thanh toán xong nợ gốc và lãi thì ông sẽ chuyển trả lại cho ông M và bà H. Ông là người trực tiếp giao tiền cho ông M và bà H tại phòng công chứng, cũng như lấy tiền lãi 2 tháng đầu của ông M và bà H. Trong suốt quá trình cho vay, ông là người trực tiếp liên hệ với ông M và bà H. Ông nhiều lần yêu cầu ông M và bà H thanh toán nợ gốc và nợ lãi, nhưng ông M và bà H không thanh toán, ngắt liên lạc với phía ông.

Bà Trần Thị Thiên H trình bày: Bà xác nhận có vay của bà A số tiền là 1.200.000.000 đồng với lãi suất là 3%/tháng, vay không có thời hạn. Hai bên không có lập hợp đồng vay mà lập hợp đồng ủy quyền và di chúc quyền sử dụng đất thửa 922 do ông M đứng tên theo yêu cầu của phía cho vay. Bà và ông M nhận số tiền vay từ một người đàn ông – theo bà nghĩ là cha của bà A. Từ khi vay tiền đến nay, bà chưa gặp mặt bà A. Chỉ biết ông C là người môi giới, và là người nhận tiền lãi thay bà A. Khi bà A ký ủy quyền thửa đất 922 lại cho ông C, bà và ông M không biết. Cho nên, bà xác nhận vợ chồng bà có nợ và đồng ý thanh toán cho bà A số tiền 1.200.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất theo quy định pháp luật, không đồng ý thanh toán cho ông C vì vợ chồng bà không có vay tiền của ông C. Khi vợ chồng bà không thanh toán lãi, ông C đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nợ. Nhưng do chưa có khả năng, và phía ông C có lời lẽ đe dọa nên vợ chồng bà ngắt liên lạc với phía ông C.

Ông Trần Văn Minh M thống nhất với lời trình bày của bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua lời trình bày của các đương sự, có đủ cơ sở xác định ông M và bà H có vay của bà Trần Thị Phượng A số tiền là 1.200.000.000 đồng, với lãi suất 3%/tháng. Theo bản tự khai cũng như biên bản ghi lời khai, bà A xác định số tiền cho vay nêu trên là của ông Nguyễn Hữu C, bà A chỉ đứng tên dùm ông C. Quá trình cho vay, ông Nguyễn Hữu C là người nhận tiền lãi từ ông M và bà H, cụ thể 2 lần với số tiền là 66.000.000 đồng. Ông M và bà H cho rằng hợp đồng vay không có kỳ hạn, trong khi đó ông C xác định hợp đồng vay có kỳ hạn 6 tháng nhưng không có chứng cứ chứng minh. Qua đó, có cơ sở xác định ông Nguyễn Hữu C là người cho ông M và bà H vay, đây là hợp đồng vay có lãi, không kỳ hạn. Ông M và bà H chỉ thanh toán lãi được 2 kỳ, từ đó đến nay vẫn chưa thanh toán nợ gốc và nợ lãi cho ông C. Căn cứ các điều 280, 466 Bộ luật Dân sự, ông M và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, nên yêu cầu khởi kiện của ông C yêu cầu thanh toán nợ gốc là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 468 Bộ

luật Dân sự, ông C đồng ý điều chỉnh lại lãi suất là 1,5%/tháng tính từ ngày cho vay đến khi xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Đối với các hợp đồng ủy quyền và di chúc là giả tạo che giấu thực hiện hợp đồng vay nên vô hiệu.

Căn cứ các điều 131, 132, 463, 465, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu C. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của đương sự và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền, di chúc" theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Phước Lâm, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Phượng A, Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích Thủy có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt, căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C thay đổi yêu cầu khởi kiện về lãi, yêu cầu điều tiết lãi với cùng một mức lãi suất là 1,5%/tháng tính từ ngày vay là ngày 03-02-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Việc thay đổi yêu cầu này thuộc phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét trong vụ án này.

[2] Về nội dung:

Các đương sự thống nhất trình bày ngày 03-02-2021, ông Trần Văn Minh M và bà Trần Thị Thiên H có vay của bà Trần Thị Phượng A số tiền là 1.200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Thỏa thuận vay nêu trên không lập thành văn bản. Bà H và ông M đã nhận đủ số tiền 1.200.000.000 đồng, đã thanh toán được 02 lần tiền lãi, tháng đầu tiên là 36.000.000 đồng, tháng tiếp theo là 30.000.000 đồng. Để đảm bảo khả năng thanh toán, ngày 03-02-2021, ông M, bà H đã ký Hợp đồng ủy quyền và Di chúc quyền sử dụng thửa đất số 922, Tờ bản đồ số 3, diện tích 824m^2, đất tại xã Phước Lâm, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An cho bà A. Hợp đồng ủy quyền và Di chúc được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích Thủy.

Ông M và bà H cho rằng hợp đồng vay ngày 03-02-2021 không có kỳ hạn. Ông C cho rằng có thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng, nhưng không có chứng cứ chứng minh. Cho nên, xác định Hợp đồng vay tài sản ngày 03-02-2021 giữa ông M, bà H với bà A là Hợp đồng vay có lãi, không kỳ hạn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, phía ông C và bà A thống nhất trình bày, khoản nợ 1.200.000.000 đồng của ông M và bà H đã được chuyển sang cho ông

C. Điều này thể hiện bằng việc ngày 05-5-2022 bà A đã ký Hợp đồng ủy quyền quyền sử dụng thửa đất 922 sang cho ông C. Việc thỏa thuận chuyển nợ này giữa ông C và bà A không lập thành văn bản. Bà A xác định không còn liên quan đến hợp đồng vay tiền cũng như hợp đồng ủy quyền, di chúc ngày 03-02-2021, xác định số tiền 1.200.000.000 đồng cho ông M, bà H vay là của ông C. Qua đó, xác định ông C có quyền yêu cầu ông M và bà H thanh toán số tiền 1.200.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh.

Về số tiền lãi phát sinh: Tại thời điểm cho vay, các bên thỏa thuận mức lãi suất là 3%/tháng, là cao hơn mức tối đa 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó, cần điều tiết lại lãi cho phù hợp với quy định pháp luật. Mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu điều tiết lại là 1,5%/tháng từ ngày 03-02-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Thời gian tính lãi cụ thể như sau: Từ ngày 03-02-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12-5-2023 là 02 năm 03 tháng 09 ngày.

Tiền lãi phù hợp quy định pháp luật tháng đầu tiên là: 1.200.000.000 đồng*1,5%/tháng = 18.000.000 đồng. Trong khi đó bà H và ông M đã thanh toán lãi tháng đầu tiên là 36.000.000 đồng, trừ đi tiền lãi theo đúng quy định là 18.000.000 đồng, còn lại 18.000.000 đồng được trừ vào tiền gốc. Như vậy, sau tháng đầu tiên, ông M và bà H còn nợ lại tiền gốc là 1.182.000.000 đồng.

Tiền lãi phù hợp quy định tháng thứ hai: 1.182.000.000 đồng*1,5%/tháng = 17.730.000 đồng. Bà H và ông M đã thanh toán lãi tháng thứ hai là 30.000.000 đồng, trừ đi tiền lãi theo đúng quy định là 17.730.000 đồng, còn lại 12.270.000 đồng được trừ vào tiền gốc. Như vậy, sau tháng thứ hai, ông M và bà H còn nợ lại tiền gốc là 1.169.730.000 đồng.

Do ông C yêu cầu bà H và ông M có trách nhiệm thanh toán tiền lãi cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo cùng một mức lãi suất 1,5%/tháng là phù hợp quy định pháp luật, có lợi cho phía ông M và bà H nên Hội đồng xét xử xem xét cùng một mức lãi suất là 1,5%/tháng.

Như vậy tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bà H và ông M còn nợ lại tiền lãi là 1.169.730.000 đồng*1,5%/tháng* 02 năm 01 tháng 09 ngày = 443.912.535 đồng.

Do đó, ông M và bà H có trách nhiệm thanh toán cho ông C số tiền nợ gốc là 1.169.730.000 đồng và 443.912.535 đồng tiền lãi.

Đối với các Hợp đồng ủy quyền số công chứng 5344, quyển số 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03-02-2021 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích Thủy, giữa ông Trần Văn Minh M, bà Trần Thị Thiên H và bà Trần Thị Phượng A; Hợp đồng ủy quyền số công chứng 15831, quyển số 16/2022/CC-SCC/HĐGD ngày 05-5-2022 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích Thủy, giữa ông Trần Văn Minh M, bà Trần Thị Thiên H có người đại diện là bà Trần Thị Phượng A với ông Nguyễn Hữu C và Di chúc số công chứng 5345 quyển số 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03-02-2021 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích Thủy giữa ông Trần Văn Minh M, bà Trần Thị Thiên H và bà

Trần Thị Phượng A, các đương sự đều xác định các hợp đồng ủy quyền và di chúc nêu trên nhằm đảm bảo cho khả năng thanh toán nợ của ông M và bà H. Hay nói cách khác đây là các giao dịch giả tạo che giấu giao dịch vay tài sản. Ông C yêu cầu hủy các hợp đồng nêu trên, bà A cũng thống nhất với yêu cầu khởi kiện này của ông C, ông M và bà H không đồng ý. Căn cứ Điều 124 Bộ luật Dân sự, yêu cầu của ông C là có cơ sở, tuyên bố vô hiệu các Hợp đồng ủy quyền và Di chúc nêu trên. Giao dịch vay tài sản có hiệu lực, ông M và bà H có trách nhiệm thanh toán cho ông C số tiền nợ gốc và lãi nêu trên.

[3] Về án phí: Ông Trần Văn Minh M và bà Trần Thị Thiên H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật bao gồm án phí đối với nghĩa vụ trả tiền và án phí đối với việc tuyên vô hiệu các hợp đồng nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 124, 131, 463, 465, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu C.

- Ông Trần Văn Minh M và bà Trần Thị Thiên H có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Hữu C 1.169.730.000 đồng tiền nợ gốc và 443.912.535 đồng tiền lãi.

- Vô hiệu Hợp đồng ủy quyền số công chứng 5344, quyển số 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03-02-2021 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích Thủy, giữa ông Trần Văn Minh M, bà Trần Thị Thiên H và bà Trần Thị Phượng A.

- Vô hiệu Hợp đồng ủy quyền số công chứng 15831, quyển số 16/2022/CC-SCC/HĐGD ngày 05-5-2022 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích Thủy, giữa ông Trần Văn Minh M, bà Trần Thị Thiên H có người đại diện là bà Trần Thị Phượng A với ông Nguyễn Hữu C.

- Vô hiệu Di chúc số công chứng 5345, quyển số 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03-02-2021 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích Thủy giữa ông Trần Văn Minh M, bà Trần Thị Thiên H và bà Trần Thị Phượng A.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Ông Trần Văn Minh M và bà Trần Thị Thiên H phải chịu 60.409.276 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả tiền và 900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc vô hiệu các hợp đồng ủy quyền, di chúc. Hoàn lại cho ông Nguyễn Hữu C 32.730.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0013376 ngày 11-11-2022 và 900.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0011584 ngày 31-01-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc.

4. Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nguyễn Xuân An